

Bản án số: **23/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 14 tháng 7 năm 2022

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải và ông Trần Minh Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm: 1965; Địa chỉ: 22 Lưu Trọng L, phường H, quận C, thành phố ĐN (có mặt);

- Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1964, địa chỉ: K325 - H54/37 Hùng Vương, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 24.02.2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Trần Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Phạm Thị M kết hôn với nhau vào năm 1991 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 1993 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và xung đột với nhau, chúng tôi sống riêng với nhau từ năm 1993 đến

hôm nay. Hiện nay tình cảm của tôi đối với bà Mân không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn bà Phạm Thị M.

- *Về con chung*: Chúng tôi có 01 con chung là Trần Thị Liên T, sinh ngày 31/01/1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

* Bị đơn là bà Phạm Thị M không tham gia các buổi hòa giải, không có mặt tại phiên tòa và không có văn bản phản hồi, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 4 năm 2022 ở địa phương nơi cư trú thể hiện: Ông Trần Văn D và bà Phạm Thị M kết hôn năm 1991 tại phường Nam Dương. Hai vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nên ông Dũng và bà Mân sống riêng khoảng 20 năm nay. Ông Dũng ở với cha mẹ tại đường Lưu Trọng Lư, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Phạm Thị M hiện đang ở với mẹ và con gái tại địa chỉ Kiệt 325 - H54/37 Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Về con chung: Ông Dũng và bà Mân có 01 con chung là Trần Thị Liên T, sinh ngày 31/01/1991 đã trưởng thành và đang sống với bà Mân.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc ông Trần Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho

ông Dũng được ly hôn với bà Mân. Về con chung: Ông Dũng và bà Mân có 01 con chung nhưng đã trưởng thành, ông Dũng không yêu cầu nên không đề cập. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Dũng khai không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị M có địa chỉ cư trú tại: K325 - H54/37 Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng bị đơn là bà Phạm Thị M vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã 02 lần mở phiên tòa nhưng bà Mân vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn D và bà Phạm Thị M đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà Phạm Thị M, lý do là vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng 20 năm qua, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của ông Dũng thì thấy: Cuộc hôn nhân giữa ông Dũng và bà Mân đã không còn tồn tại trên thực tế từ nhiều năm nay và ý nghĩa, mục đích về hôn nhân cũng không còn, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương nơi cư trú thì mâu thuẫn vợ chồng như ông Dũng trình bày là có thật. Vì vậy cần phải giải thoát cho họ khỏi sự ràng buộc hôn nhân về mặt pháp lý.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thực hiện được do vắng mặt bà Mân. Việc này cũng chứng tỏ bà Mân không còn quan tâm đến hôn nhân giữa bà với ông Dũng. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dũng đối với bà Mân là thỏa đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Trần Văn D khai có 01 con chung là Trần Thị Liên T, sinh ngày 31/01/1991 đã trưởng thành, ông Dũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn ông Trần Văn D khai không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Ông Trần Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn*” của ông Trần Văn D đối với bà Phạm Thị M.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Văn D được ly hôn với bà Phạm Thị M.

2. Về án phí: Ông Trần Văn D phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Dũng đã nộp tại Biên lai thu số 0002563 ngày 09.3.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Trần Văn D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND P.Nam Dương, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng(GCNKH số 40,quyển số:I/91)
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân

